TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42** /2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/02/2018
V/v "Tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Hữu Bình
2. Ông Nguyễn Tiến Quân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tiến Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 và 08 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Quốc L,** sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 13, tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị **Phùng Thị Phương D,** sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 13, tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Tuyên Quang;

Địa chỉ: Tổ 26, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Giang N – Chức vụ: Phó giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trọng T – Phó giám đốc

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc L trình bày: Anh và chị Phùng Thị Phương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 15/9/1990 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 13 phường P, thành phố T. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau nữa thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và bạn bè hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh khởi kiện xin ly hôn chị Phùng Thị Phương D.

Về con chung: Anh và chị Phùng Thị Phương D có 01 con chung tên là: Nguyễn Duy P, sinh ngày 24/11/1991. Con chung đã trưởng thành không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Phùng Thị Phương D tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

Về quan hệ vay nợ chung: Ngày 07/11/2017 anh và chị Phùng Thị Phương D có xác lập hợp đồng tín dụng số HDTD2702017845 với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh văn phòng phẩm. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ chi tiết tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Người đứng vay là anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D, tài sản thế chấp nhà cấp 3 xây 02 tầng + diện tích 180m2 tại tổ 13, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 585534, do ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14/4/2009. Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05). Hiện nay hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán, khi nào anh và chị D chia tài sản thì anh sẽ trả tiền cho Ngân hàng mỗi người trả ½ số tiền vay.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Phùng Thị Phương D trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chúng chị có tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng chị sống chung tại tổ 13 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn lý do anh L có quan hệ ngoại tình chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau, từ khi có mâu thuẫn anh L cũng tự sử dụng khoản tiền lương không đưa cho chị và tự ăn quán không về nhà ăn cơm với mẹ con chị nữa. Gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần

nhưng anh L không thay đổi, thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến nay anh có đơn khởi kiện ly hôn chị không nhất trí vì lý do chị vẫn còn tình cảm với anh L, việc vợ chồng ly thân là do anh L chứ không phải do chị.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Duy P, sinh ngày 24/11/1991. Con chung đã trưởng thành không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Ngày 07/11/2017 chị và anh Nguyễn Quốc L có xác lập hợp đồng tín dụng số HDTD2702017845 với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh văn phòng phẩm. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ chi tiết tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Người đứng vay là anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D, tài sản thế chấp nhà cấp 3 xây 02 tầng + diện tích 180m2 tại tổ 13, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 585534, do ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14/4/2009. Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05). Hiện nay hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán, khi nào chị và anh L chia tài sản thì anh sẽ trả tiền cho Ngân hàng mỗi người trả ½ số tiền vay.

* Đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang trình bày: Ngày 07/11/2017 anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D có xác lập hợp đồng tín dụng số HDTD2702017845 với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh văn phòng phẩm. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ chi tiết tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Người đứng vay là anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D, tài sản thế chấp nhà cấp 3 xây 02 tầng + diện tích 180m2 tại tổ 13, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 585534, do ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14/4/2009. Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05). Nay anh L và chị D giải quyết ly hôn, Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình anh L và chị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo đúng điểm h, mục 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng HĐTD2702017845 đã ký kết ngày 07/11/2017, thanh toán toàn bộ số tiền vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa ngày 05/02/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vay nợ chung anh xác định do hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán nên anh và chị D vẫn có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết. Chị Nguyễn Thị Phương D giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, chị không nhất trí ly hôn với anh L. Về tài sản chung chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết chia tài sản theo pháp luật. Về khoản nợ chung của chị và anh L với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang là cả hai vợ chồng cùng có

trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên anh L và chị D và người đại diện của ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để các đương sự tự hoà giải với nhau. Sau khi Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên toà vào ngày 08/02/2018 chị D trình bày chị đã thanh toán xong cho ngân hàng số tiền 150.890.000đ, trong đó tiền gốc là 150.000.000đ tiền lãi là 890.000đ, do các bên không đi đến thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên chị đề nghị anh L phải thanh toán cho chị ½ số tiền nợ mà chị đã thanh toán cho ngân hàng. Đại diện ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang xác nhận chị D thanh toán khoản xong toàn bộ khoản tiền nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 890.000đ của hợp đồng tín dụng HĐTD2702017845 đã ký kết ngày 07/11/2017. Ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp cho chị D, ngân hàng không có yêu cầu đề nghị gì nữa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Quốc L với chị Nguyễn Thị Phương D. Về con chung đã trưởng thành không giải quyết, Về tài sản chung anh L không đề nghị giải quyết, còn chị D quá trình giải quyết vụ án chị không có yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên toà chị D mới yêu cầu nên không có căn cứ xem xét giải quyết, chị D có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ việc khác. Về vay nợ chung của anh L và chị D với ngân hàng TMCP Liên Việt – chi nhánh Tuyên Quang chị D đã thanh toán xong cho ngân hàng,chị D yêu cầu anh L thanh toán trả lại cho chị ½ là 75.445.000đ anh L nhất trí sẽ thanh toán lại cho chị D thao yêu cầu nên HĐXX công nhận sự thoả thuận của anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc L yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với chị Phùng Thị Phương D, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

* Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/9/1990 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang),

tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh L và chị D đều cho rằng anh chị sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh L thì nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống không hợp nhau nên anh chị mới sống ly thân, còn chị D thì cho rằng vì anh L có quan hệ ngoại tình chị biết nên đã khuyên giải nhưng anh L không thay đổi, vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng anh L tự sử dụng khoản tiền lương không đưa cho chị và tự ăn quán không về nhà ăn cơm với mẹ con chị nữa, anh chị mặc dù vẫn sống trong một nhà nhưng anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Toà án đã tiến hoà giải nhiều lần nhưng không thành, anh L cương quyết xin ly hôn, chị D không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chồng. Qua xác minh tại tổ nhân dân nơi anh L chị D sinh sống thể hiện quá trình chung sống anh L chị D có mâu thuẫn, chị D báo cáo với tổ nhân dân về việc anh L có quan hệ ngoại tình, còn anh L thì giải thích đó là do hiểu nhầm. Như vậy cho thấy giữa anh L và chị D mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn tồn tại, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc L cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị Phương D là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D có 01 con chung, tên là Nguyễn Duy P, sinh ngày 24/11/1991. Con chung đã trưởng thành không đề nghị Toà án giải quyết vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D không đề nghị giải quyết về tài sản chung. Tại phiên toà chị D mới yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết, chị D có quyền yêu cầu chia tài sản chung giải quyết bằng một vụ việc khác.

* Về vay nợ: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D xác định ngày 07/11/2017 anh chị có xác lập hợp đồng tín dụng số HDTD2702017845 với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Tuyên Quang vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh văn phòng phẩm. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ chi tiết tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Người đứng vay là anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D, tài sản thế chấp nhà cấp 3 xây 02 tầng + diện tích 180m2 tại tổ 13, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 585534, do ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14/4/2009. Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05). Nay anh L và chị D giải quyết ly hôn, Ngân hàng có yêu cầu anh L và chị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo đúng điểm h, mục 7.1

Điều 7 của hợp đồng tín dụng HĐTD2702017845 đã ký kết ngày 07/11/2017, thanh toán toàn bộ số tiền vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Sau khi Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đưa vụ án ra xét xử các đương sự đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên toà để tự hoà giải với nhau thì chị Nguyễn Thị Phương D đã thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng HĐTD2702017845 đã ký kết ngày 07/11/2017 là 150.890.000đ, trong đó tiền gốc là 150.000.000đ, tiền lãi là 890.000đ. Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Tuyên Quang xác nhận chị D đã thanh toán toàn bộ số tiền vay và các khoản lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng HĐTD2702017845 đã ký kết ngày 07/11/2017, ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp cho anh L chị D nên ngân hàng không còn yêu cầu gì đối với anh L và chị D nữa vì vậy Toà án không xác định Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Tuyên Quang là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa. Còn anh Nguyễn Quốc L xác nhận số tiền vay 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh 890.000đ là nợ chung của anh và chị D, chị D đã thanh toán toàn bộ số tiền vay cho Ngân hàng thì anh sẽ có trách nhiệm thanh toán ½ số tiền là 75.445.000đ cho chị D. Vì vậy Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch theo quy định; chị Phùng Thị Phương D không phải nộp án phí. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự
Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Nguyễn Quốc L được ly hôn với chị Phùng Thị Phương D

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D có 01 con chung, tên là Nguyễn Duy P, sinh ngày 24/11/1991. Con chung đã trưởng thành không đề nghị Toà án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về vay nợ: Ghi nhận chị Phùng Thị Phương D và anh Nguyễn Quốc L đã thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Tuyên Quang số tiền 150.890.000đ, trong đó tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 890.000đ (Tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Quốc L và chị Phùng Thị Phương D: Anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị D số tiền 75.445.000đ (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án cho có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Anh Nguyễn Quốc L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 3.772.000đ án phí dân sự có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004855 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tiến Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh L còn phải nộp số tiền 3.772.000đ (Ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Chị Phùng Thị Phương D không phải nộp án phí.

Anh Nguyễn Quốc L, chị Phùng Thị Phương D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Minh Xuân;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Ngọc Hà